

# PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

\*\*\*

## Bài số 24

*Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.*

*Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn số 25:*

**“Phục thứ Long Vương, nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập?**

- **Nhất, đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ.**
- **Nhị, thâm tín nhân quả, ninh vẫn thân mạng, chung bất tác ác.**
- **Tam, duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng.**
- **Tứ, trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết, kiết hung nghi vãng.**
- **Ngũ, thường sanh nhân thiên, bất canh ác đạo.**
- **Lục, vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng.**
- **Thất, vĩnh ly tà đạo, hành ư thánh đạo.**
- **Bát, bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp.**
- **Cửu, trụ vô ngại kiến.**
- **Thập, bất đạo chư nạn.**

**Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông”.**

*[Nghĩa là: Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa tà kiến, liền thành tựu được mười pháp công đức. Những gì là mười?*

Một là, được ý vui chân thiện và bạn bè chân thiện.  
Hai là, thâm tín nhân quả, thà bỏ thân mệnh trọn không làm ác.  
Ba là, chỉ quy y Phật, không quy y các Thiên thần.  
Bốn là, lòng ngay, thấy chính, lìa hẳn hết thấy lưới ngò: tốt, xấu.  
Năm là, thường sinh trong cõi Nhân, Thiên, không sa đường ác.  
Sáu là, vô lượng phúc tuệ, dần dần thêm hơn.  
Bảy là, lìa hẳn tà đạo, tu hành Thánh đạo.  
Tám là, không khởi thân kiến, bỏ mọi nghiệp ác.  
Chín là, trụ vào kiến giải vô ngại.  
Mười là, không sa vào những nạn xứ.

Ấy là mười pháp. Nếu đem mười pháp ấy hồi hướng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sau khi thành Phật, mau chứng hết thấy pháp của Phật, thành tựu thần thông tự tại.]

*(Chúng ta cũng đã nghe hết pháp công đức thứ 3, đó là “chỉ quy y Phật, không quy y các Thiên thần”. Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp về pháp công đức thứ 4)*

Thứ tư, “**Trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi vãng**” (Nghĩa là: tâm chánh kiến ngay thẳng, xa lìa tất cả nghi hoặc kiết hung). Kinh Lăng Nghiêm có dạy: “*Nhược năng chuyển cảnh tức đồng Như Lai*”). Nghĩa là: “Nếu chuyển được cảnh duyên thì đồng Như Lai”. Mục tiêu cuối cùng của người tu học Phật pháp là ở chỗ này. Xa lìa tà kiến thì là trí huệ. Sau khi trí huệ mở ra thì chúng ta sẽ thấy rõ tất cả kiết hung họa phúc ở thế gian, chẳng cần phải tránh hung tìm kiết vì chúng ta có thể chuyển cảnh duyên, có thể chuyển hung thành kiết, chuyển họa thành phúc. Người thế gian không có năng lực chuyển họa cảnh duyên là vì chưa đoạn tham sân si nên họ bị cảnh giới trói buộc. Đoạn được tham, sân, si, định huệ tự nhiên hiện tiền, tất cả vận mệnh gặp phải đều chuyển đổi trở lại, thật sự chuyển Thập pháp giới thành Nhất chân pháp giới.

Ở chỗ này Đức Phật đã nói điều kiện rất rõ chính là “trực tâm, chánh kiến”. Bốn chữ này chính là tâm đại Bồ đề, mà tâm Bồ đề chính là chân tâm. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nhắc đến “tâm chí thành”. Tâm chí thành chính là trực tâm. Trong Luận Khởi Tín nói trực tâm là thể của tâm Bồ đề. Như vậy trực tâm chính là chân thành đến cực điểm. Trong Độc Thư Bút Ký của ông Tăng Quốc Phiên, ông định nghĩa “nhất niệm không sanh tức là

thành”. Như vậy có niệm thì không gọi là thành. Vậy còn “vô niệm” có là “thành” hay không? Vô niệm cũng không phải thành. Nếu “vô niệm” là “thành” thì khi đắc vô tướng định thì tâm Bồ đề hiện tiền rồi. Đức Phật dạy rằng sau khi tu thành vô tướng định cũng là nhất niệm không sanh nhưng quả báo sẽ ở trời Vô tướng Tứ thiên. Đây là trời ngoại đạo, là rơi vào trong vô minh. Cho nên chúng ta phải có khả năng minh định rõ ràng. Chữ “nhất niệm” trong “nhất niệm không sanh” có nghĩa không có niệm thứ hai. Có niệm thứ hai thì không còn là “nhất niệm”, “không sanh” nghĩa là không sanh ra niệm thứ hai, chứ không phải rơi vào vô niệm. Trong Kinh Đại Thừa giải nghĩa “nhất niệm” là “tịch tịch tinh tinh, tinh tinh tịch tịch” (nghĩa là: lặng lẽ soi chiếu, soi chiếu lặng lẽ), là trạng thái sống không phải chết. Còn Vô tướng định là chết, nên Vô tướng định là vô minh, không phải Bồ đề.

Còn “cứu cánh Bồ đề” là gì? Thật chất “cứu cánh Bồ đề” ở ngay trước mắt chúng ta. Trong hội Lăng Nghiêm Phật dạy “*Lục căn môn đầu, phóng quang động địa*” (nghĩa là “từ nơi lục căn, phóng ánh sáng chấn động cõi đất”), chính là nhất niệm không sanh. Trong đó “lục căn môn đầu” là mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể chạm, ý có thể biết. Chúng ta mở mắt ra thấy rõ cảnh giới bên ngoài; tai nghe âm thanh bên ngoài rõ ràng, minh bạch. Đây là “nhất niệm”. “Không sanh” là không sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, gọi là chí thành. Còn Vô tướng định, tương tự trạng thái không có vọng tưởng, phân biệt, nhưng cái gì cũng không biết, cái gì cũng không minh định rõ ràng nên gọi là vô minh. Chúng ta nhất định không được nhầm lẫn giữa vô minh, vô tướng định cho là tâm chí thành. Sự nhầm lẫn đó là một sai lầm.

Phật, Bồ tát luôn luôn giữ được nhất niệm, không khởi sanh niệm thứ hai. Đó là điểm khác biệt giữa các Ngài ấy với chúng ta. Chúng ta có nhất niệm, nhưng thời gian nhất niệm quá ngắn, trong sát na liền khởi phân biệt, chấp trước, đem trí chuyển thành thức. Nhất niệm là trí, chân trí huệ. Niệm thứ hai khởi đến thì đem trí chuyển thành thức. Thức chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cho nên tu học Phật pháp chính là tu “chuyển thức thành trí”. Sự khác biệt giữa thức và trí chính là trong thức có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; còn trong trí không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là tâm chí thành, trực tâm, rõ ràng sáng suốt đến cùng cực. Khi nó không khởi tác dụng giống như trong Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, vô tri chính là tâm chí thành,

trực tâm, khi khởi tác dụng thì “*vô sở bất tri*” (tức là “không gì không biết”). Vô tướng định cũng là vô tri, nhưng cái vô tri ấy khi khởi tác dụng thì cái gì cũng không biết.

“Chánh kiến” chính là trực tâm khởi dụng, mà theo cách nói của Nho giáo là, “*trực tâm chính là thành ý, chánh kiến chính là chánh tâm*”. Còn Phật giáo gọi “trực tâm” là “tâm chân thành”, “chánh kiến” là “thâm tâm, đại bi tâm”, cũng chính là tâm hồi hướng phát nguyện trong Quán Kinh thường nhắc tới. Đó là chánh tri chánh kiến. Chúng ta phải thấu suốt việc kiết hung họa phước thế gian. Nhưng như thế nào là thấu suốt? Nguyên nhân của kiết hung họa phước đều từ quả báo mà ra. Nó rành rành như thế, không chút gì huyền hoặc, cho nên mới gọi là “**vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi vãng**” (*nghĩa là: dứt hẳn tất cả lưới nghi về lý số tốt xấu.*)

Người đời thích xem phong thủy, xem tướng, xem tử vi là minh chứng cho việc còn nghi hoặc rất nặng nề vào kiết hung họa phúc. Họ luôn giữ cái tâm cầu may cho việc tìm cách tránh hung tìm kiết. Thế nhưng trên thực tế, chúng ta có tránh khỏi nạn tai không? Sao mà tránh được! Vì đó là quả báo, chắc chắn ta phải nhận lãnh; bằng ngược lại, chúng ta có phước thì phước muốn bỏ cũng chẳng bỏ được.

Trong Kinh A Nan Hối Phật Việc Kiết – Hung, đối với việc gieo quẻ, xem tướng, coi tử vi, phong thủy thì Đức Phật không cho phép chúng ta hỏi, vì đó là “ý thế gian”. Đệ tử Phật chỉ “có thể làm việc của thế gian, nhưng không được làm ý thế gian”. Nhưng mà Đức Phật từ bi vô tận, chúng sanh có mê hoặc muốn gieo quẻ tìm câu trả lời, Đức Phật cũng thuận theo tập khí của chúng sanh nên giảng một bộ Kinh là Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Qua bộ Kinh này, Đức Phật muốn dạy đệ tử Phật về cách gieo quẻ khi có điều cần hỏi về việc kiết hung. Đó xem như Đức Phật đã vì chúng sanh mà mở cửa phương tiện. Trước khi gieo quẻ, trước hết Đức Phật dạy chúng ta tu như thế nào mới có thể đạt được sự cảm ứng. Nếu công phu tu học không có thì không cảm ứng được. Ngoài ra quyển Quán Thế Âm Bồ Tát Cảm Ứng Linh Khóa cũng là sách gieo quẻ. Ở phần lời tựa, Đại Sư Ấn Quang viết rất rõ ràng, trước khi gieo quẻ phải thật cung kính khấn niệm Quán Thế Âm Bồ tát, sau đó là cầu cảm ứng, niệm danh hiệu Phật Bồ tát, tâm định rồi, tâm thành rồi ắt sẽ linh ứng.

Nếu chúng ta nếu có thể vĩnh đoạn tham sân si thì tâm này sẽ là chân tâm, là trực tâm chánh kiến, tâm Bồ đề ắt hiện tiền. Cho nên tất cả việc kiết hung họa phước không cần hỏi. Ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt, chỗ nào cũng là chỗ tốt, không có gì là không kiết tường. Tâm thuần thiện không ác thì cảnh duyên đều chuyển hết chính là đạo lý của “cảnh tùy tâm chuyển”.

**Thứ năm “Thường sanh nhân thiên, bất cánh ác đạo”** (Nghĩa là: thường được sanh cõi trời, cõi người, không đọa cõi ác). Ác đạo thật đáng sợ, địa ngục là chốn khổ, dứt khoát không được vào. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có nói cảnh khổ sở nơi địa ngục là vô lượng vô biên, bất kỳ địa ngục nào chúng ta cũng không chịu nổi. Nhưng sa vào đấy thì dễ, thoát ra lại rất khó. Người nào sẽ sa vào địa ngục? Những người tạo tội ngũ nghịch, thập ác. Tội ngũ nghịch gồm gì?

Một là tội giết cha.

Hai là tội giết mẹ.

Ba là tội giết A La Hán (A La Hán là xưa, còn ngày nay là ý nói đến những người thầy có tâm tốt. “A La Hán”, “Bồ tát” ở thế trần tục này quên mình vì người, giáo hóa chúng sanh, là “Nhân Thiên nhân mục” (nghĩa là cặp mắt của trời, người), người như vậy mà chúng ta ác tâm cưỡng hại đồng tội giết A La Hán thời trước).

Bốn là làm thân Phật chảy máu, phước báo Đức Phật rất lớn, thần hộ pháp lại rất nhiều nên tất cả hữu hình đều không giết hại được, nhưng vẫn có thể gây tổn hại đôi chút cho Phật, chảy một chút máu thì có thể. Ví dụ như câu chuyện của Đề Bà Đạt Đa làm hại Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì thuộc về tội làm thân Phật chảy máu. Còn ngày nay, nếu có tâm sân hận, chán ghét, phá hoại tượng Phật thì cũng đồng tội với việc làm thân Phật chảy máu, mà ý nghĩa sâu xa là phá hoại hình tượng Phật pháp thì cũng quy về tội làm thân Phật chảy máu. Người học Phật đã thọ tam quy ngũ giới nếu không thể làm gương tốt cho xã hội đại chúng, lại còn khiến đại chúng mất đi tín tâm với Phật pháp thì cũng đồng tội với việc làm thân Phật chảy máu. Những tội ấy sẽ sa vào địa ngục.

Thế nào là “hình tượng Phật pháp”? Lời giải thích đơn giản nhất, rõ ràng nhất là “**chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo**”). Nghĩa là: “Chớ làm việc ác, nên làm việc lành, tự thanh tịnh ý mình, đó là lời Phật dạy”. Chúng ta không tu thiện, đại chúng ngoài xã hội nhìn thấy tín đồ Phật giáo chúng ta liền mắng Thích Ca Mâu Ni hạ thấp Phật giáo, thì như vậy cũng đã xem là chúng ta phá hoại hình tượng Phật giáo. Vậy nên, làm đệ tử Phật đâu nơi nào cũng phải thận trọng, giữ mình làm gương, để xứng với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, làm sao xứng đáng với Đức Phật A Di Đà. Làm đệ tử Đức Phật, niệm niệm tương ưng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; mỗi hạnh phải tương ưng với nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên. Đây mới thực là ủng hộ Phật pháp, biểu hiện tốt của kính lễ chư Phật.

Tội thứ năm là “phá hòa hợp tăng”. Ý chỉ sự phá hoại tăng đoàn, đặc biệt là phá hoại cơ duyên hoằng pháp, nghe giảng thuyết pháp. Ví dụ như khi pháp sư thuyết pháp giảng Kinh, chúng ta phá hoại đạo tràng, cản trở cơ duyên của đại chúng nghe giảng Phật pháp, thì đều là tội phá hòa hợp tăng.

Quả báo tạo ngũ nghịch ở A Tỳ Địa ngục vô cùng sâu nặng. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên giảng rất kỹ về nghiệp nhân quả báo này. Chúng ta phải thường đọc tụng và thực hành đoạn ác tu thiện. Trong câu “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng” thì Phật Bồ tát chính là sư trưởng của chúng ta. Mở Kinh ra đọc cũng như nghe lời giáo huấn của Phật Bồ tát, nhất định tuân theo giáo huấn Phật Đà, không để tùy ý bản thân. Chứ nếu thuận theo tham sân si mạn của bản thân chắc chắn đoạ lạc. Đức Phật thường khuyên chúng ta khi chưa chứng được quả A La Hán nhất định không được tùy thuận theo ý mình. Đến lúc chứng đắc quả A La Hán, cắt đứt kiến tư phiền não, việc mình làm đều là mười thiện thì khi ấy có thể tin vào ý của bản thân.

Người có thể đoạn ác tu thiện đến mức hoàn toàn thì tu hành nhất định viên mãn, đâu chưa gặp được Phật pháp, chưa biết đến Tây Phương Cực Lạc thì đời sau cũng “**thường sanh nhân thiên, bất cánh ác đạo**” (tức là sanh ở cõi người, cõi Trời; không vào ác đạo). Tuy họ không thể thoát được luân hồi nhưng cũng sẽ được thọ sanh ba đường thiện, chắc chắn không đoạ ba đường ác.

**Thứ 6 “Vô lượng phước huệ, chuyển chuyển tăng trưởng”** (Nghĩa là: vô lượng phước huệ xoay vần thêm nhiều). Phước đức, trí huệ là từ thiện

nghiệp mà sanh. Ngạn ngữ xưa có câu “phước chí tâm linh” (*“Phước chí tâm linh, họa lai thân ám”*). Nghĩa là: *Phước đến trí sáng, họa đến trí tối tăm. Lúc đỏ thì mình mất, hồi đen thì rồi trí khôn, tính không nên việc*). Khi phước báo hiện tiền, trí huệ cũng được hiện tiền thì tâm tư đặc biệt nhạy bén. Đây là mối quan hệ của phước và huệ: Gốc của phước huệ đều là thiện tâm, thiện niệm, thiện hành. Nếu tâm hạnh không thiện thì sao có phước báo? Người bất thiện tuy hưởng đại phú quý thì phước báo đó của họ là do tu ở đời trước, còn đời này tu thì quả báo ở đời sau. Trong Kinh có dạy *“Muốn biết nhân đời trước, thì xem thọ nhận đời này; muốn biết quả đời sau, xem tạo tác đời này”*. Nên chúng ta hiểu không phải người làm đủ việc ác mà vẫn có phước báo là vậy.

Đời nay ta không có phước báo là do đời trước không tu, không thể trách người khác. Chúng ta thật sự hiểu đạo lý, hiểu chân tướng thì chắc chắn không oán trời trách người, tâm được an định. Đây gọi là “lý đắc tâm an”. Chúng ta muốn cầu phước báo, cầu trí huệ thì đời này phải tu nhân, đời sau phước huệ chắc chắn hiện tiền. Nhất định phải thấu hiểu đạo lý “nhân quả ba đời” này.

Hiểu pháp thế xuất thế gian rồi thì tu phước tu huệ là lẽ đương nhiên. Vậy ta còn mong cầu thụ hưởng không? Chắc chắn không, vì chỉ muốn mang quả báo tu hành của chúng ta hồi hướng, bố thí cúng dường tất cả chúng sanh để người người đều được thụ hưởng chung. Tại sao vậy? Tại vì phước báo này là phước báo hữu lậu. Nếu thọ hưởng phước báo này thì công phu đạo hạnh sẽ thoái chuyển; ngược lại nếu không thọ hưởng mà bố thí cúng dường cho tất cả chúng sanh, đạo nghiệp sẽ tăng trưởng. Còn quả báo mà chư Phật Bồ tát thọ hưởng là quả báo vô lậu. Đây là chúng ta nên học tập, nhất định không thọ hưởng phước báo hữu lậu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện giảng Kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh thì giảng Kinh thuyết pháp ấy là bố thí pháp; còn dùng thân thể, sức lao động là bố thí nội tài. Những nhu cầu cần thiết một đời của mình, ăn no, mặc ấm là đủ rồi nên cái mà Phật, Bồ tát thọ hưởng là phước huệ vô lậu. Người đời sau đều noi theo lời giáo huấn Phật Đà tu hành nhưng vẫn không thể thành tựu giống Phật được, nguyên nhân ở chỗ nào? Do họ không thể buông xả phước báo hữu lậu, ngược lại còn cản trở quả đức vô lậu. Thực chất chỉ cần trừ bỏ sai lầm này, sự thọ dụng trên quả vị chư Phật Bồ Tát đều chúng ta không đắc viên mãn nhưng cũng đạt ít phần.

Mười thiện nghiệp là nền tảng tu hành của nhà Phật. Lục độ, Tứ vô lượng tâm, Tứ nhiếp pháp, 37 phẩm trợ đạo cũng đều lấy Mười thiện nghiệp làm nền tảng. Nên nếu chuyên tu mười thiện nghiệp không nghiêm túc thì không tính là học Phật. Người thật sự niệm Phật vãng sanh, bất luận thân phận gì, làm ngành nghề nào cũng phải tu đủ mười thiện nghiệp, nếu không đủ quyết không thể vãng sanh. Vì đó mà chúng ta cần hiểu rằng muốn đời này vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ thì phải **“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp”**. Thực hành được bốn lời dạy này chắc chắn vãng sanh. Hiếu thân tôn sư, từ tâm không sát sanh chính là vận dụng thực hành tu mười thiện nghiệp. Nếu không tu mười thiện nghiệp, hiếu thân tôn sư đều là giả, không có tâm từ bi thật. Chúng ta phải chú ý điều này, tuyệt không xao nhãng vì đó là giới căn bản trong các giới căn bản tu học Phật pháp.

**“Thọ trì tam quy, giữ gìn giới cấm”** được xây dựng trên nền tảng mười thiện nghiệp. Không có nền tảng này thì tam quy, ngũ giới cũng không thể thực hiện được, tức là hữu danh vô thực. Có người hỏi Đại Sư Ấn Quang:

- Làm sao mới khế nhập Phật pháp được?

Ngài dạy rằng:

- Một phần thành kính thì được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích.

Thành kính chính là đầy đủ mười thiện nghiệp, tâm không tương ưng mười thiện nghiệp thì chưa gọi là thành kính. Thành kính không phải là khái niệm trừu tượng mà cần phải được thực hành ngay trong đời sống thường ngày. Mà thực hành trong đời sống thường ngày chính là mười thiện. Quả viên mãn của Thập thiện nghiệp chính là quả Phật Như Lai.

Mười thiện, năm giới là căn bản của pháp thực hành, từ Sơ phát tâm đến quả vị Như Lai đều không thể tách rời. Chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều phải tương ưng với mười lời dạy này. Nếu không tương ưng tức là ác nghiệp. Thượng phẩm của mười thiện là nghiệp nhân sanh thiên, thượng phẩm của mười ác là nghiệp nhân địa ngục. Hiểu rõ đạo lý này thì bản thân tự rõ tương lai chúng ta đi về đâu. Cho nên muốn tu phước tu huệ thì nhất định không làm trái ngược lại mười thiện.

**Thứ bảy “Vĩnh ly tà đạo, hành ư thánh đạo”** (nghĩa là xa lìa đường tà, hành theo con đường bậc thánh). Mười ác là tà đạo, ba đường ác. Chúng ta khởi tâm động niệm rơi vào mười ác, tức là hành tà đạo, quả báo ở ba đường ác. Còn như thực hành mười thiện nghiệp thì mười thiện nghiệp chính là Phật đạo, Bồ tát đạo, Thánh nhân đạo. Tu học theo đường này mới thật sự có trí huệ, thật sự giác ngộ.

Vậy nên bắt đầu từ đâu? Nên bắt đầu từ khi khởi tâm động niệm.

Phàm phu khởi tâm động niệm đều là tự tư, tự lợi, mà nguồn gốc của nó chính là 5 loại “tư hoặc” gồm: tham, sân, si, mạn và nghi. “tư hoặc” là suy nghĩ, tư tưởng mê muội. “Nghi” là lòng ngờ hoặc thánh nhân, ngờ hoặc thánh đạo; cứ theo sự ngờ hoặc ấy mà dấy lên lòng ngã mạn, khinh rẻ thánh hiền, thánh đạo. Mà mười thiện nghiệp chính là thánh đạo, chúng ta khinh rẻ mười thiện nghiệp quả báo chắc chắn rơi vào ba đường ác. Quả báo ba đường ác thì tự làm tự chịu, còn phước báo Nhân Thiên tam thừa thánh quả cũng là tự làm tự hưởng. Hư không pháp giới ai làm chủ? tự mình làm chủ, đến Phật, Bồ tát, đại thánh đại hiền cũng không làm chủ được. Vua Diêm vương và Đế Thích cũng không làm chủ. Cho nên nhất định phải “lìa tà đạo, hành chánh đạo” mới thực là đệ tử của Như Lai, được chư Phật tán thán, thiên thần kính ngưỡng.

*Thứ tám, “Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp”* (Nghĩa là: không khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp). Tà kiến là những kiến giải, những nhìn nhận sai lầm. Phàm phu chôn Lục đạo đều chấp trước thân này là thật, là của ta. Thế nhưng, Đức Phật dạy rằng, thân này không phải là “ta”, cũng không phải của ta. Nó giống như quần áo mặc trên người, quần áo không phải là ta, không phải của ta. “Ta”, hay thường gọi cái “ngã” thì vĩnh viễn không sanh, không diệt. “Ngã sở” (tức cái của ta) thì có sanh có diệt, như quần áo mặc lâu bị bẩn, bị rách rồi thì không cần nữa, đổi cái khác.

“Ngã” có “thân” hay không? Phật pháp thường nói “pháp thân” thì pháp thân chính là cái “ngã” chân thật. Đức Phật dạy rằng **“pháp thân thị bất sanh bất diệt, vô thủy vô chung”** (nghĩa là “pháp thân là không sanh, không diệt, không chỗ bắt đầu cũng không nơi kết thúc”). Phật dạy giới đệ tử mục tiêu cuối cùng chính là chứng đắc pháp thân, mà chứng đắc pháp thân tức là thành Phật. Vậy người nào sẽ được chứng đắc pháp thân? Những người minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Cái mà họ ngộ ra được là “chân ngã” (tức

ngã thật) thì bất sanh bất diệt, vô thủy vô chung; còn thân xác chỉ là “giả ngã”. Ngộ ra rồi họ liền thọ dụng, cái thọ dụng này chính là y chánh trang nghiêm trên quả vị Như Lai.

“Báo thân” là hữu thủy vô chung (tức là có khởi đầu nhưng không có kết thúc), báo thân là trí huệ, tức là có thể chứng đắc trí huệ pháp thân. Chứng đắc trí huệ pháp thân rồi vĩnh viễn sẽ không rơi vào mê lạc.

Còn “ứng hóa thân” là thân tượng ứng hóa để cảm hóa chúng sanh mà Phật ứng hóa vì đó vốn là bản nguyện của chư Phật Như Lai. Tất cả chư Phật Như Lai trên nhân địa đều từng phát nguyện độ hết thấy chúng sanh. Đó là nhân, còn chúng sanh có cảm là duyên, Phật liền ứng.

Pháp thân không đâu không có, không lúc nào không có, nhưng không hình tướng. Tuy không hình tướng nhưng lại có thể hiện tất cả các tướng. Tất cả động vật, thực vật và khoáng vật đều là hình tướng của pháp thân biến hiện. Tất cả hiện tượng tự nhiên trong hư không cũng là hình tướng của pháp thân biến hiện. Pháp thân năng hiện tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới. Tất cả chúng sanh ở đây bao gồm cả hiện tượng tự nhiên. Đó là sở hiện. Năng hiện và sở hiện là một không phải hai. Nếu phân năng hiện, sở hiện thành hai loại thì đó là cái mà người đời nay gọi là “triết học” chứ không phải lời Đức Phật.

Ông Âu Dương Cánh Vô có nói “Phật giáo không phải triết học”. Vì sao không phải triết học? Vì Phật pháp là một không phải hai, hư không pháp giới tất cả chúng sanh là một pháp thân. Năng hiện và sở hiện cũng là 1 không phải hai. Triết học thì không phải vậy. Cho nên Phật giáo không phải triết học cũng không phải tôn giáo. Tôn giáo là sùng bái một vị thần chủ nhân sáng tạo vạn vật, Phật pháp không có chủ nhân sáng tạo vạn vật, nhưng Phật pháp thì chỉ thừa nhận sự tồn tại của thần. Thần là gì? Thần vẫn là cái biến hiện của pháp thân. Nó hiện ra với vô lượng vô biên tướng khác nhau, cũng tức là “thập pháp giới y chánh trang nghiêm” mà Kinh luận thường giảng. Đó là “duy thức sở biến”, bởi vì tất cả chúng sanh đã u mê mà đánh mất tự tánh.

.....

Hôm nay thời gian đã hết chúng ta giảng đến đây thôi.

\*\*\*\*\*

*Chúc bạn:*

*Không làm các việc ác*

*Vâng làm các việc lành*

*Tự thanh tịnh tam ý*

*Đó là lời Phật dạy*

*Website: [www.duongdenhanhphuc.vn](http://www.duongdenhanhphuc.vn)*

*Kênh Youtube: «duongdenhanhphuc»*

*Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!*

.....